

Bản án số: 152/2024/HC-PT
Ngày: 25-4- 2024
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà **Võ Thị Ngọc Dung**

Các thẩm phán:

ông Đặng Kim Nhân

ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Phước Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 331/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 144/2023/HC- ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 536/2024/QĐPT-HC ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị N và ông Y Nang N1; địa chỉ: TDP D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đều có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Phó Chủ tịch UBND thành phố B; xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn N2 - Trưởng phòng Kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số F C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hải S - Phó phòng Kỹ thuật - Bồi thường giải phóng mặt bằng, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk. Xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Lê Đại T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Người khởi kiện bà Trần Thị N và ông Y Nang N1 trình bày:

Ngày 22/8/2012, vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng 0,2ha đất cà phê liên kết của ông Nguyễn Văn M, tại phường T, thành phố B; lô đất này do ông M ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C1 (Gọi tắt là Công ty C1) theo bản Hợp đồng kinh tế số: 05.Đ1/2012/HĐ ngày 18/5/2012. Việc sang nhượng vườn cà phê giữa ông M và vợ chồng tôi có bà Nguyễn Thị C làm chứng. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng tôi ủy quyền cho ông M thực hiện nghĩa vụ giao nộp tiền, sản lượng giao khoán hàng năm cho Công ty C1 theo quy định.

Ngày 06/06/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5788/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Gọi tắt là Quyết định số 5788). Ngày 23/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10482/QĐ-UBND về phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ (Gọi tắt là Quyết định số 10482). Trong đó: hộ gia đình tôi bị thu hồi 100% diện tích đất là: 1.978,9m².

Nhận thấy Quyết định số 5788 và Quyết định số 10482 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình tôi là chưa thỏa đáng, chưa đúng với quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Cụ thể:

- Hộ gia đình tôi bị thu hồi đất, bị giải tỏa nhà, phải di chuyển chỗ ở, không có nhà ở, đất ở khác nhưng chưa được UBND thành phố B giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất;

- Hộ gia đình tôi đã nhận được hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian 06 tháng, chưa được hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với thời gian từ khi bàn giao mặt bằng đến khi nhận đất tái định cư theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ, nay được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ, quy định: “Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà được tính từ thời điểm bàn giao

mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư cộng thêm 6 tháng để xây nhà”.

- Hộ gia đình tôi có 04 nhân khẩu là hộ gia đình đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp; đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không được UBND Tp.Buôn Ma Thuột hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là không đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ; Điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ, nay được sửa đổi, bổ sung tại Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Hộ gia đình tôi đang sử dụng đất nhận khoán vào mục đích nông nghiệp, là người lao động đang trực tiếp sản xuất bị mất việc làm khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng không được U hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, nay được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ; Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ, nay được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Quyết định số 5788 không thực hiện thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả cho hộ gia đình tôi là không đúng với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ thì hộ gia đình tôi còn được hỗ trợ khác.

Vì vậy, chúng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên:

- Hủy một phần Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án và phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1), đối với hộ bà Trần Thị N và ông Y Nang N1. Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất đối với các nội dung sau:

+ Giao 01 thửa đất ở tại thành phố B cho hộ bà Trần Thị N và ông Y Nang N1 để xây dựng nhà ở mới, hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất;

+ Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian tạo lập nơi ở mới tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng cho đến khi nhận thông báo giao đất tái định cư;

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

+ Hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ lãi suất chậm trả tiền bồi thường.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Đại T và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk ông Phan Hải S trình bày:

Hộ bà Trần Thị N sử dụng thửa đất số 68, tờ trích đo bản đồ số TĐ 02/2021, diện tích 1.978,9m² có nguồn gốc nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay ngày 22/8/2012 từ ông Nguyễn Văn M (*ông Nguyễn Văn M hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty C1 tại Hợp đồng số 05Đ1/2012/HĐ ngày 18/5/2012*). Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C1 giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất do bà Trần Thị N đang sử dụng.

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, trên cơ sở đó Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/06/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị N là 411.678.508 đồng; bà Trần Thị N đã nhận đủ số tiền nêu trên vào ngày 07/10/2022, bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi vào ngày 12/6/2023.

- Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu giao 01 thửa đất ở tại thành phố B: Hộ bà Trần Thị N sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn M, xây dựng nhà ở và vật kiến trúc trên đất liên kết với Công ty C1, phải giải toả nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất, kết quả xác minh trên địa bàn thành phố B thì hộ bà Trần Thị N không còn nhà ở, đất ở nào khác. Tuy nhiên, hộ bà Trần Thị N sử dụng đất do nhận chuyển nhượng đất nhận khoán không đúng quy định pháp luật, không có hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết, không phải đối tượng nhận khoán với Công ty C1, do đó không đủ điều kiện để giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất (*Nội dung này đã được Hội đồng thẩm định điều kiện giao đất của UBND thành phố B kết luận tại Báo cáo số 241/BC-TNMT ngày 06/12/2022*).

- Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới: Tại Quyết định số 5788 và Quyết định số 10482 của UBND thành phố B đã phê duyệt khoản kinh phí này cho gia đình bà Trần Thị N với số tiền: 28.800.000 đồng.

- Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Căn cứ các khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ

sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai, theo đó điều kiện hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất. Đối chiếu quy định nêu trên, hộ bà Trần Thị N sử dụng đất nhận khoán do nhận chuyển nhượng không đúng quy định pháp luật, không có hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty C1, do đó hộ bà Trần Thị N không được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là đúng quy định.

- Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hỗ trợ tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tính từ thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất đến ngày chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: Ngày 06/10/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị N. Như vậy, thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà chậm so với quy định là 90 ngày (từ ngày 06/7/2022 đến ngày 06/10/2022) vì lý do Chủ đầu tư dự án là Ban Quản lý dự án Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh chậm bố trí kinh phí. Nội dung này đã được UBND thành phố B phê duyệt phương án bổ sung kinh phí chậm chi trả tiền tại Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 cho gia đình bà Trần Thị N với số tiền 11.115.320 đồng.

- Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với khoản kinh phí hỗ trợ khác: Hộ bà Trần Thị N sử dụng đất nhận khoán do nhận chuyển nhượng không đúng quy định pháp luật về giao khoán nông nghiệp, không có hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty C1, không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo các khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ. Do đó, hộ bà Trần Thị N cũng không đủ điều kiện hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Như vậy, nội dung khởi kiện của bà Trần Thị N và ông Y Nang N1 là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Với nội dung trên,

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 144/2023/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Luật đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật

đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N và ông Y Nang Niê

Tuyên hủy một phần Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án và phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1), đối với hộ bà Trần Thị N và ông Y Nang N1. Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần hỗ trợ bồi thường giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất; hỗ trợ ổn định đời sống; đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ khác cho hộ bà Trần Thị N và ông Y Nang N1.

[2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N và ông Y Nang N1 về việc buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất đối với hỗ trợ tiền thuê nhà ở tính từ khi bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư.

[3] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N và ông Y Nang N1 về việc buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất đối với hỗ trợ tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền được bồi thường, hỗ trợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2023, ông Lê Đại T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận việc hỗ trợ giao một thửa đất có thu tiền sử dụng đất; hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ khác cho hộ bà Trần Thị N, ông Y Nang N1.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của Người khởi kiện: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng:

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết đúng đối tượng, thẩm quyền, còn thời hiệu quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Nội dung:

[2.1] Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi: ngày 22/8/2012, bà Trần Thị N, ông Y Nang N1 nhận chuyển nhượng 2000m² đất trồng cà phê từ ông Nguyễn Văn M. Diện tích đất này là một phần trong diện tích đất của ông M nhận hợp đồng giao khoán đất liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C1 (Công ty C1) theo Hợp đồng số 05/Đ1/2012/HĐ ngày 18/5/2012, diện tích đất giao khoán 7.017m², thửa đất số 145, tờ bản đồ số 07 (nay là thửa đất số 68, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; thời hạn hợp đồng từ ngày 18/6/2012 đến 31/12/2035. Theo bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường thì diện tích thực tế bị thu hồi là 1.978,9m².

[2.2] Xét Hợp đồng chuyển nhượng ngày 22/8/2012: ông Nguyễn Văn M chuyển nhượng cho bà Trần Thị N, ông Y Nang N1 một phần diện tích đất giao khoán là 2000m², có lập giấy chuyển nhượng Nguyễn Thị C ký làm chứng. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà N và ông Y N3 trực tiếp sản xuất trên đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Công ty C1 thông qua hợp đồng ủy quyền giao nộp sản lượng với ông M ngày 23/8/2012, xây nhà và sinh sống trên đất từ đó đến nay nhưng không bị Công ty C1 phản đối, thực hiện các thủ tục thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng Kinh tế liên kết sản xuất cà phê số 05/Đ1/2012/HĐ ngày 18/5/2012 giữa ông M và Công ty C1 về quyền của bên giao khoán: *“Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng khoán, bảo đảm việc thực hiện đúng pháp luật về đất đai khi phát hiện đất giao khoán bị chuyển đổi trái phép thì tiến hành các biện pháp, thủ tục theo quy định để thu hồi diện tích giao khoán đã bị chuyển nhượng trái phép”*. Như vậy, Hợp đồng chuyển

nhượng diện tích đất liên kết nêu trên giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị N, ông Y Nang N1 chưa đảm bảo về hình thức nhưng thực tế Công ty C1 đã không phản đối, không trái với điểm i khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 05/Đ1/2012/HĐ, như nhận định của Tòa án sơ thẩm.

[2.3] Xét các nội dung kháng cáo có tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 (Quyết định số 5788) và Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 (Quyết định số 10482) của UBND thành phố B:

[2.3.1] Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Nguồn gốc đất bị thu hồi của hộ bà Trần Thị N, ông Y Nang N1 như phân tích tại mục [2.2]; UBND phường T, thành phố B xác nhận hộ bà Trần Thị N có 01 người làm nông, là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó; tại Điều 1 tại các Quyết định 5788 và Quyết định 10482 đều xác định hộ gia đình bà có nguồn gốc nhận khoán của Công ty. Do đó, hộ bà Trần Thị N thuộc đối tượng được hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; tại điểm d Điều 19 Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và khoản 2 Điều 3 Quyết định số 14/2022/QĐ-CP ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

[2.3.2] Về việc hỗ trợ giao một thửa đất có thu tiền sử dụng đất: Hộ bà Trần Thị N không bị thu hồi đất ở nên không đủ điều kiện được giao đất tái định cư theo quy định tại Khoản 1 Điều 79 Luật đất đai. Tuy nhiên, xét thấy hộ bà Trần Thị N có xây dựng nhà ở không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập biên bản xử phạt, được bồi thường tài sản là nhà ở, phải giải toả toàn bộ nhà ở khi nhà nước thu hồi đất, theo xác minh của Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk thì ngoài căn nhà trên đất đã bị thu hồi, hộ bà N không còn nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn thành phố B. Căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật đất đai, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 5 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì hộ bà N có đủ điều kiện để được giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.

[2.3.3] Về yêu cầu hỗ trợ khác:

Tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định hỗ trợ khác là khoản hỗ trợ do UBND tỉnh quyết định. Tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-CP ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định đối tượng, điều kiện được hỗ trợ khác thì hộ bà N như phân tích tại mục [2.3.1] là thuộc đối tượng hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do đó, đủ điều kiện được hỗ trợ khác.

[3] Từ những căn cứ và nhận định tại các mục trên, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện kháng cáo không được chấp nhận, do vậy phải chịu án phí theo quy định.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 144/2023/HC-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*”

[2] Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố B phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí thu theo biên lai số 3395 ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Dung